

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 150/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 12-11-2020

V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Hằng Ni.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Văn Thanh.

Ông Nguyễn Văn Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Minh Đăng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

Trong ngày 12 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý: 408/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 9 năm 2020 về việc: “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 159/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 85/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị T, sinh năm 1991 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp K, xã Đ, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Anh Trương Hoàng T, sinh năm 1987 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Huỳnh Thị T trình bày: Trải qua quá trình tự tìm hiểu chị và anh Trương Hoàng T tiến đến quan hệ hôn nhân vào năm 2018, có đăng ký kết hôn. Chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T không quan tâm đến vợ con, tính tình ích kỷ, thường tính toán chi ly với chị về tiền bạc nên thường cãi nhau, làm cho cuộc sống không hạnh phúc. Vì không muốn hạnh phúc đổ vỡ, trong thời gian qua chị luôn nhường nhịn chồng nhưng anh T ngày càng thờ ơ với vợ con và hiện tại vợ chồng đã tự sống ly thân từ đầu năm 2020 cho đến nay, chị về nhà cha mẹ ruột sống còn anh T đi làm cho Công Ty ở Bình Dương kinh doanh ghế sofa thu nhập từ 8-9.000.000 đồng/1 tháng. Do tình cảm không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị ly hôn với anh T.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Trương Huỳnh A, sinh ngày 20/11/2018 hiện đang sống với chị. Ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi

dưỡng, yêu cầu anh T cấp dưỡng cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng, bắt đầu thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con đủ 18 tuổi, lao động được.

- Về tài sản - nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Trương Hoàng T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không có ý kiến phản bác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Nguyên đơn chị Huỳnh Thị T khởi kiện ly hôn bị đơn anh Trương Hoàng T, anh T có địa chỉ cư trú tại ấp M, xã M, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đây là vụ án tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Huỳnh Thị T có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vụ án vắng mặt, bị đơn anh Trương Hoàng T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để xét xử nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, chị Huỳnh Thị T và anh Trương Hoàng T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã Mỹ Long, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 03 vào ngày 06/01/2018, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, xét thấy quan hệ vợ chồng giữa anh chị đã thật sự đổ vỡ, không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ. Bởi lẽ, theo chị T trình bày thì sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T không quan tâm đến vợ con, tính tình ích kỷ, thường tính toán chi ly về tiền bạc nên thường cãi nhau, làm cho cuộc sống không hạnh phúc. Vì không muốn hạnh phúc đổ vỡ, trong thời gian qua chị luôn nhường nhịn nhưng anh T ngày càng thờ ơ với vợ con và hiện tại vợ chồng đã tự sống ly thân từ đầu năm 2020 cho đến nay, chị về nhà cha mẹ ruột sống. Riêng đối với anh Trương Hoàng T, từ khi được Tòa án thông báo về việc chị T ly hôn anh vẫn bỏ mặc không có ý kiến gì, chứng tỏ anh không còn quan tâm đến tình cảm vợ chồng với chị T nữa. Từ đó cho thấy tình cảm vợ chồng giữa chị T với anh T thật sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận cho chị T được ly hôn với anh T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Chị Huỳnh Thị T trình bày quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Trương Huỳnh A, sinh ngày 20/11/2018. Ly hôn chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Xét, tại thời điểm xét xử cháu Trương Huỳnh A chưa tròn 24 tháng tuổi. Do vậy, giao con chung cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về cấp dưỡng: Chị Huỳnh Thị T yêu cầu anh T cấp dưỡng cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng, bắt đầu thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con đủ 18 tuổi, lao động được. Xét thấy, anh Trương Hoàng T không trực tiếp nuôi con nên phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Căn cứ vào điều kiện cần thiết nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu để cháu Trương Huỳnh A được phát triển bình thường cần buộc anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Trương Huỳnh A mỗi tháng 2.000.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng tính từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con đủ 18 tuổi, lao động được.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Huỳnh Thị T trình bày không có, còn anh Trương Hoàng T vắng mặt nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí: Chị Huỳnh Thị T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm và anh Trương Hoàng T phải chịu án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị T. Cho chị Huỳnh Thị T được ly hôn với anh Trương Hoàng T.

2. Về con: Giao con chung tên Trương Huỳnh A, sinh ngày 20/11/2018 cho chị Huỳnh Thị T nuôi dưỡng. Buộc anh Trương Hoàng T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Trương Huỳnh A mỗi tháng 2.000.000 đồng, thời gian thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Trương Huỳnh A đủ 18 tuổi, lao động được.

Anh Trương Hoàng T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Chị Huỳnh Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân

sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005776 ngày 01/9/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang nên xem như đã thi hành xong.

Anh Trương Hoàng T phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- CC THADS huyện Cai Lậy;
- UBND xã M, huyện Cai Lậy, TG;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Dương Thị Hằng Ni

